

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKX1 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131017303801 - C ấ ng tr ấ nh ấ n t o GTVT H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3673020430	36CKX1	Lê Hoàng	B o	07/01/1994	6.0	7.0					6.5	2.0	3.5	2.5	4.4	
2	3673020242	36CKX1	B ấ i Th ấ ấ ấ ng	Ch ấ	02/01/1994	6.0	7.0					6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
3	3673021221	36CKX1	Ph m C ấ ng	Ch ấ nh	13/10/1994	7.0	7.0					7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
4	3673020477	36CKX1	Ph m V ấ	Danh	08/10/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
5	3673020347	36CKX1	Tr n Th Ng c	Di p	02/02/1994	5.0	6.0					5.5	1.7	4.0	2.8	4.4	
6	3572020123	35CKX2	L 2 T n	D ấ g	22/07/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
7	3673020176	36CKX1	Nguy n V ấ	D ấ g	10/07/1994	8.0	6.0					7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
8	3673020408	36CKX1	L 2 V ấ	ấ o	28/08/1994	8.0	7.0					7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
9	3572020466	35CKX2	Tr n Tr ng	ấ t	01/09/1992	6.0	7.0					6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	
10	3673021539	36CKX1	L 2 S	ấ i u	12/03/1994	7.0	7.0					7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
11	3673020948	36CKX1	Lý Thành	ấ ấ	20/04/1994	7.0	7.0					7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
12	3472020027	34CKX2	Nguy n V ấ	ấ c	23/03/1992	6.0	7.0					6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	N HP
13	3673020377	36CKX1	D ng Tr ng	Giang	02/05/1994	9.0	7.0					8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
14	3673020923	36CKX1	Ph m Ho ấ ng	H i	09/11/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
15	3673021039	36CKX1	Vô Duy	H i	25/05/1994	9.0	7.0					8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
16	3673020994	36CKX1	Nguy n Th	H o	23/12/1994	9.0	8.0					8.5	2.6	3.5	2.5	5.0	
17	3673021296	36CKX1	Cao Th M	H ng	12/07/1994	7.0	7.0					7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
18	3472020034	34CKX2	Nguy n ấ nh	Hi n	15/06/1992	7.0	6.0					6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	
19	3472020038	34CKX2	Lê Kim	Hoà	02/06/1992	6.0	6.0					6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKX1 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131017303801 - C ấ ng tr ấ nh ấ n t o GTVT H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3673021060	36CKX1	Tr ng V ấ	Ho ấ ng	20/08/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	
21	3673020421	36CKX1	Tr ng Qu c	H ồ a	12/09/1994	6.0	5.0					5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
22	3673020321	36CKX1	Nguy n Ph m Anh	Huy	02/05/1994	7.0	6.0					6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
23	3673020185	36CKX1	Tr n L ấ	Hu ấ nh	08/10/1991	6.0	5.0					5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
24	3673020389	36CKX1	H S	H ồ ng	16/05/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	3.5	2.5	4.7	
25	3673021149	36CKX1	Nguy n V ấ	H ồ ng	20/04/1992	7.0	7.0					7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
26	3673020382	36CKX1	Tr n V ấ	H ồ ng	14/07/1994	6.0	5.0					5.5	1.7	7.0	4.9	6.6	
27	3673021258	36CKX1	Nguy n Quang	H ng	12/05/1994	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
28	3673020468	36CKX1	Nguy n Minh	Khang	25/10/1994	6.0	8.0					7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
29	3673020040	36CKX1	Ph m Ph ấ	Kh ấ nh	29/05/1994	5.0	4.0					4.5	1.4	3.5	2.5	3.8	
30	3673020932	36CKX1	ấ inh Th	Lan	09/09/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
31	3673020270	36CKX1	Ph m Th M	L	19/02/1994	7.0	8.0					7.5	2.3	8.5	6.0	8.2	
32	3673020024	36CKX1	Tr n Nh t	Lu ấ n	28/07/1993	6.0	4.0					5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
33	3673021276	36CKX1	M ấ N p	M n	03/03/1994	7.0	7.0					7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
34	3673020479	36CKX1	Ph m Minh	M n	11/11/1994	6.0	5.0					5.5	1.7	4.0	2.8	4.4	
35	3673021001	36CKX1	Nguy n Th ồ nh	M n	09/09/1994	6.0	6.0					6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
36	3673020362	36CKX1	B ch Ho ồ ng	Minh	14/04/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	
37	3673020153	36CKX1	T Quang	Minh	31/03/1994	5.0	5.0					5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
38	3673020259	36CKX1	ấ V ấ	Nam	23/06/1994	5.0	3.0					4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKX1 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131017303801 - C ấ ng tr ấ nh ấ n t o GTVT H c km : HK01

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3673020338	36CKX1	Nguy n Ho ấ ng	Nam	21/11/1994	6.0	4.0					5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
40	3673020353	36CKX1	Nguy n Thanh	Nguy ấ n	10/10/1994	8.0	8.0					8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
41	3673021206	36CKX1	Nguy n Th Tr ấ c	Nguy ấ n	07/05/1994	8.0	7.0					7.5	2.3	2.5	1.8	4.0	
42	3673020224	36CKX1	L ấ Thanh	Nh ấ n	28/07/1994	7.0	7.0					7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
43	3673020141	36CKX1	L ấ Th	Oanh	28/12/1992	9.0	8.0					8.5	2.6	4.0	2.8	5.4	
44	3673021207	36CKX1	Phan V ấ nh	Phú	10/01/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
45	3673021229	36CKX1	L ấ Công	Ph ng	04/05/1994	6.0	6.0					6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
46	3673020083	36CKX1	Nguy n Trung	Qu c	20/04/1994	6.0	7.0					6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	
47	3673020137	36CKX1	Mai Hoàng Minh	Quý	18/06/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	6.0	4.2	6.5	
48	3673020288	36CKX1	Nguy n V ấ nh	Sang	30/12/1992	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
49	3673020172	36CKX1	Nguy n V ấ nh	Sinh	12/06/1994	6.0	5.0					5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
50	3673020088	36CKX1	Nguy n Ch ấ	Tài	18/10/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	4.5	3.2	5.1	
51	3472020101	34CKX2	Phan T n	Tài	26/08/1992	6.0	7.0					6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	
52	3673020293	36CKX1	Vô Thành	Tài	02/01/1994	8.0	7.0					7.5	2.3	3.5	2.5	4.7	
53	3673021581	36CKX1	Nguy n H u	Tân	10/10/1994	9.0	8.0					8.5	2.6	5.0	3.5	6.1	
54	3673020961	36CKX1	V ấ nh Thanh	T n	06/02/1994	5.0	6.0					5.5	1.7	4.0	2.8	4.4	
55	3673020145	36CKX1	Nguy n V ấ nh	Ti n	10/08/1994	6.0	6.0					6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
56	3472020121	34CKX3	ấ ng V ấ nh	Tính	25/12/1991	7.0	8.0					7.5	2.3	3.5	2.5	4.7	
57	3673020232	36CKX1	ấ C ấ ng	Tính	28/08/1993	6.0	8.0					7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKX1 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131017303801 - C ấ ng tr ấ nh ấ n t o GTVT H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3673020952	36CKX1	Tr n V ấ	Tu n	11/01/1994	7.0	6.0				6.5	2.0	3.5	2.5	4.4	
59	3673021522	36CKX1	ấ Xu ấ n	Tùng	16/10/1994	7.0	7.0				7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
60	3673020056	36CKX1	Tr n ấ c	Th ng	04/07/1994	5.0	6.0				5.5	1.7	4.0	2.8	4.4	
61	3673020312	36CKX1	ấ inh To ấ	Th nh	15/01/1993	6.0	5.0				5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
62	3472020111	34CKX1	Ho ấ ng B o	Th	20/01/1992	6.0	5.0				5.5	1.7	3.0	2.1	3.8	
63	3673021189	36CKX1	Nguy n Th Ng c	Tr ấ m	16/04/1994	0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
64	3673020406	36CKX1	Nguy n Qu c	Tr í	13/05/1994	0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
65	3673020021	36CKX1	V ồ Xu ấ n	Tr ng	27/04/1994	5.0	4.0				4.5	1.4	5.0	3.5	4.9	
66	3673021246	36CKX1	L ² Ng c B o	Uyên	22/11/1994	8.0	8.0				8.0	2.4	8.5	6.0	8.4	
67	3673020207	36CKX1	Nguy n Th	V ầ n	20/01/1994	7.0	7.0				7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
68	3673020439	36CKX1	L ² Qu c	V ầ t	16/11/1994	6.0	4.0				5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
69	3673020097	36CKX1	ấ Thanh	Vinh	24/01/1994	6.0	6.0				6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
70	3673020985	36CKX1	Nguy n Ho ấ ng	Vinh	31/12/1994	6.0	5.0				5.5	1.7	5.5	3.9	5.5	
71	3673020273	36CKX1	Phan T n	Vinh	12/11/1994	0.0	2.0				1.0	0.3	2.5	1.8	2.1	
72	3673021547	36CKX1	D ng Quang	V ồ o	06/11/1993	0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
73	3673020357	36CKX1	Nguy n Minh	V ồ o	04/11/1993	7.0	8.0				7.5	2.3	3.5	2.5	4.7	
74	3673021518	36CKX1	Nguy n Ng c	V ồ o	10/03/1994	8.0	8.0				8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	

T ñg s : 74 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa